THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 60/2013/QĐ-TTg *Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Đường bộ Việt Nam thuộc Bộ Giao thông vận tải

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Đường bộ Việt Nam trực thuộc Bộ Giao thông vận tải.

Điều 1. Vị trí và chức năng

Tổng cục Đường bộ Việt Nam là tổ chức thuộc Bộ Giao thông vận tải, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (sau đây viết tắt là Bộ trưởng) quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về giao thông vận tải đường bộ trong phạm vi cả nước; tổ chức thực hiện các hoạt động dịch vụ công về giao thông vận tải đường bộ theo quy định của pháp luật.

Tổng cục Đường bộ Việt Nam có tư cách pháp nhân, có con dấu hình Quốc huy, có tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước và trụ sở tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Xây dựng để Bộ trưởng trình cấp có thẩm quyền hoặc ban hành theo thẩm quyền:

a) Dự án luật, pháp lệnh, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về giao thông vận tải đường bộ;

b) Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, năm năm, hàng năm, chương trình, dự án quốc gia, đề án phát triển giao thông vận tải đường bộ trong phạm vi cả nước.

2. Xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và định mức kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành giao thông vận tải đường bộ, trình Bộ trưởng ban hành theo thẩm quyền hoặc để Bộ trưởng đề nghị cơ quan có thẩm quyền thẩm định, công bố; tổ chức xây dựng, thẩm định và công bố tiêu chuẩn cơ sở chuyên ngành giao thông vận tải đường bộ.

3. Chỉ đạo, kiểm tra và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược, chương trình quốc gia, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án về giao thông vận tải đường bộ sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc ban hành.

4. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về giao thông vận tải đường bộ.

5. Về quản lý, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ:

a) Xây dựng trình Bộ trưởng ban hành các quy định về quản lý, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

b) Xây dựng trình Bộ trưởng quyết định phân loại, điều chỉnh hệ thống quốc lộ; quy định việc đấu nối vào đường bộ; quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ và công bố về tải trọng, khổ giới hạn của quốc lộ; quy định về báo hiệu đường bộ; quy định tốc độ xe và việc đặt biển báo tốc độ, tổ chức và hoạt động của trạm kiểm tra tải trọng xe; quy định việc cấp giấy phép lưu hành cho xe quá khổ giới hạn, quá tải trọng, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và tổ chức thực hiện;

c) Xây dựng trình Bộ trưởng để trình cơ quan có thẩm quyền ban hành cơ chế tạo nguồn vốn cho xây dựng, quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và tổ chức thực hiện;

d) Tổ chức giao thông trên hệ thống quốc lộ, bảo đảm giao thông an toàn, thông suốt; tổ chức quản lý, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do Tổng cục Đường bộ Việt Nam quản lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

đ) Hướng dẫn công tác quản lý, khai thác và bảo trì đường địa phương; tổng hợp tình hình phát triển hệ thống đường địa phương trong phạm vi cả nước;

e) Xây dựng đơn giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong quản lý, bảo trì quốc lộ; trình Bộ trưởng ban hành khung giá bảo dưỡng thường xuyên tài sản hạ tầng đường bộ thuộc Bộ quản lý;

g) Xây dựng mức phí, lệ phí đường bộ, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức hoạt động thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật;

h) Phối hợp với cơ quan có liên quan và chính quyền địa phương bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông và hành lang an toàn đường bộ;

i) Tổ chức đấu thầu, đặt hàng hoặc giao kế hoạch thực hiện sản xuất, cung ứng sản phẩm và dịch vụ công ích trong quản lý, bảo trì quốc lộ theo quy định của pháp luật.

6. Về quản lý đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ:

a) Xây dựng trình Bộ trưởng ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo thẩm quyền và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện;

b) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quyết định đầu tư, chủ đầu tư các dự án xây dựng công trình đường bộ theo quy định của pháp luật và phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng;

c) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT, BTO, BT và các hình thức hợp đồng khác được Bộ trưởng phân cấp hoặc ủy quyền.

7. Về quản lý đường bộ cao tốc:

a) Chủ trì xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, cơ chế, chính sách về quản lý đường bộ cao tốc;

b) Tổ chức quản lý, bảo trì, khai thác hệ thống đường bộ cao tốc theo quy định của pháp luật;

c) Huy động các nguồn vốn đầu tư, tổ chức quản lý các dự án đầu tư xây dựng, thực hiện chức năng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các dự án đầu tư đường bộ cao tốc theo phân cấp, ủy quyền của Bộ Giao thông vận tải.

8. Về quản lý phương tiện và người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (trừ phương tiện và người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh):

a) Xây dựng trình Bộ trưởng quy định việc đào tạo, sát hạch, cấp, đổi và thu hồi giấy phép lái xe cho người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; quy định việc cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông và hướng dẫn tổ chức thực hiện;

b) Xây dựng trình Bộ trưởng quy định tiêu chuẩn, quy chuẩn Trung tâm sát hạch lái xe; việc cấp giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ đủ điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện;

c) In, phát hành, hướng dẫn và quản lý việc sử dụng giấy phép lái xe, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trong phạm vi cả nước;

d) Quản lý việc đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ và chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ theo phân cấp của Bộ trưởng;

đ) Tổ chức thực hiện đăng ký xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ;

e) Phối hợp xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của phương tiện, thiết bị giao thông vận tải đường bộ.

9. Về quản lý vận tải đường bộ:

a) Xây dựng trình Bộ trưởng quy định về tổ chức và quản lý hoạt động vận tải đường bộ và các dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

b) Xây dựng trình Bộ trưởng phê duyệt chương trình kế hoạch hợp tác quốc tế về vận tải đường bộ; xây dựng trình Bộ trưởng để trình cơ quan có thẩm quyền phê chuẩn đề xuất việc ký kết hoặc gia nhập các điều ước quốc tế về đường bộ; tham gia đàm phán điều ước quốc tế theo ủy quyền, phân cấp và tổ chức đàm phán, ký kết thoả thuận, chương trình hợp tác quốc tế theo quy định; tổ chức việc cấp phép vận tải đường bộ quốc tế theo các điều ước, thỏa thuận quốc tế về vận tải đường bộ theo phân cấp của Bộ trưởng;

c) Quản lý hoạt động vận tải đường bộ và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ theo quy định của pháp luật; quản lý các tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô theo phân công của Bộ trưởng;

d) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện điều kiện kinh doanh vận tải đường bộ; hướng dẫn tổ chức phát triển kinh tế tập thể trong vận tải đường bộ;

đ) Phối hợp xây dựng khung giá cước vận tải, xếp dỡ, các dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ được hoạt động độc quyền và những dịch vụ Nhà nước trợ giá hoặc giao doanh nghiệp thực hiện.

10. Về an toàn giao thông đường bộ:

a) Xây dựng trình Bộ trưởng đề án, giải pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông đường bộ theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức tuyên truyền an toàn giao thông và các giải pháp giảm thiểu tai nạn giao thông đường bộ;

c) Tổ chức thực hiện công tác phòng, chống bão, lũ và phối hợp tìm kiếm cứu nạn trong giao thông đường bộ theo phân công của Bộ trưởng;

d) Xây dựng trình Bộ trưởng quy định về thẩm định an toàn giao thông trong xây dựng, quản lý và bảo trì đường bộ; thực hiện và phối hợp thực hiện các dự án về an toàn giao thông đường bộ;

đ) Phối hợp với cơ quan công an, Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia trong việc cung cấp số liệu đăng ký phương tiện giao thông đường bộ, dữ liệu về tai nạn giao thông và thu hồi giấy phép lái xe.

11. Về bảo vệ môi trường trong giao thông vận tải đường bộ:

a) Xây dựng trình Bộ trưởng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trong xây dựng, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

b) Tổ chức lập, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường đối với quy hoạch, chương trình, dự án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, đề án, quy hoạch, kế hoạch về bảo vệ môi trường trong xây dựng, quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

12. Thực hiện hợp tác quốc tế giao thông vận tải đường bộ theo phân cấp của Bộ trưởng.

13. Nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực giao thông vận tải đường bộ; xây dựng và duy trì cổng thông tin điện tử chuyên ngành và ngân hàng dữ liệu đường bộ để phục vụ công tác quản lý giao thông vận tải đường bộ.

14. Thực hiện công tác thanh tra chuyên ngành giao thông vận tải đường bộ theo quy định của pháp luật; giải quyết khiếu nại; tố cáo; phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo thẩm quyền.

15. Quản lý về tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục theo quy định của pháp luật; xây dựng trình Bộ trưởng cơ cấu tổ chức, vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức của Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

16. Quản lý tài chính, tài sản được giao, tổ chức thực hiện quản lý ngân sách được phân bổ theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ trưởng.

17. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Bộ trưởng giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Vụ Kế hoạch - Đầu tư;

2. Vụ Tài chính;

3. Vụ An toàn giao thông;

4. Vụ Quản lý, bảo trì đường bộ;

5. Vụ Khoa học công nghệ, Môi trường và Hợp tác quốc tế;

6. Vụ Vận tải;

7. Vụ Quản lý phương tiện và người lái;

8. Vụ Tổ chức cán bộ;

9. Vụ Pháp chế - Thanh tra;

10. Văn phòng;

11. Cục Quản lý xây dựng đường bộ;

12. Cục Quản lý đường bộ cao tốc;

13. Cục Quản lý đường bộ I;

14. Cục Quản lý đường bộ II;

15. Cục Quản lý đường bộ III;

16. Cục Quản lý đường bộ IV;

17. Trường Trung cấp giao thông vận tải miền Bắc;

18. Trường Trung cấp giao thông vận tải miền Nam;

19. Trường Trung cấp nghề cơ giới đường bộ;

20. Tạp chí Đường bộ Việt Nam;

21. Trung tâm Kỹ thuật đường bộ.

Các tổ chức từ Khoản 1 đến Khoản 16 Điều này là tổ chức giúp Tổng cục trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước, các tổ chức từ Khoản 17 đến Khoản 21 Điều này là tổ chức sự nghiệp trực thuộc Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

Cục Quản lý đường bộ I, Cục Quản lý đường bộ II, Cục Quản lý đường bộ III, Cục Quản lý đường bộ IV có các phòng nghiệp vụ và các chi cục quản lý đường bộ. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định việc thành lập các chi cục theo Đề án kèm theo Tờ trình số 6073/TTr-BGTVT ngày 26 tháng 6 năm 2013 của Bộ Giao thông vận tải.

Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các tổ chức trực thuộc Tổng cục.

Điều 4. Lãnh đạo Tổng cục

1. Tổng cục Đường bộ Việt Nam có Tổng cục trưởng và không quá 03 Phó Tổng cục trưởng.

2. Tổng cục trưởng và các Phó Tổng cục trưởng do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo quy định của pháp luật.

3. Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Tổng cục Đường bộ Việt Nam. Phó Tổng cục trưởng chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng và trước pháp luật về lĩnh vực được phân công.

Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2013 và thay thế Quyết định số 107/2009/QĐ-TTg ngày 26 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Đường bộ Việt Nam thuộc Bộ Giao thông vận tải.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng